PHỤ LỤC

Danh mục các tài liệu, quy trình công bố lại HTQLCL phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số:...../QĐ-UBND ngày /10/2023 của Chủ tịch UBND huyện Tân Yên)

STT	TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành
A. QUY TRÌNH CHUNG				
1	1	Chính sách chất lượng	CSCL	2
2	2	Bản mô tả Hệ thống quản lý chất lượng	BMT	2
3	3	Yêu cầu năng lực, trách nhiệm, quyền hạn của các chức danh công việc	YCNL	2
4	4	Quy trình kiểm soát thông tin lập thành văn bản (dạng tài liệu, hồ sơ)	QT.01	1
5	5	Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội	QT.02	1
6	6	Quy trình đánh giá nội bộ	QT.03	1
7	7	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	QT.04	1
B. QUY TRÌNH NỘI BỘ				
8	1	Quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	QT.07	3
9	2	Quy trình họp xem xét của lãnh đạo	QT.08	1
10	3	Quy trình lưu trữ Hồ sơ, tài liệu	QT.09	2
11	4	Quy trình quản lý công văn đi đến	QT.10	2
12	5	Quy trình tổ chức Hội nghị, hội thảo	QT.11	1
13	6	Quy trình đánh giá sự hài lòng của Tổ chức, công dân	QT.12	1
C. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH				
I	**LĨNH VỰC NỘI VỤ**			
		Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ		
1	1	Công nhận Ban vận động thành lập Hội có phạm vi hoạt động trong địa giới hành chính cấp huyện, cấp xã	QT.NV.1	3
2	2	Báo cáo về việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường	QT.NV.2	3
3	3	Đổi tên hội	QT.NV.3	3
4	4	Tự giải thể hội	QT.NV.4	3
5	5	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	QT.NV.5	3
6	6	Thành lập Hội cấp huyện	QT.NV.6	2
7	7	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội	QT.NV.7	2
		Lĩnh vực Tôn giáo		
8	8	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại Khoản 2, Điều 41, Luật tín ngưỡng tôn giáo.	QT.NV.8	4
9	9	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	QT.NV.9	4

STT	TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành
10	10	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	QT.NV.10	4
11	11	Thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT.NV.11	4
12	12	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	QT.NV.12	4
13	13	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT.NV.13	4
14	14	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	QT.NV.14	4
15	15	Thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	QT.NV.15	4
		Lĩnh vực Thi đua khen thưởng		
16	16	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị	QT.NV.16	3
17	17	Tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”	QT.NV.17	3
18	18	Tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”	QT.NV.18	3
19	19	Tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”	QT.NV.19	3
20	20	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	QT.NV.20	3
21	21	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất	QT.NV.21	3
22	22	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại	QT.NV.22	3
23	23	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng cho gia đình	QT.NV.23	3
		Lĩnh vực Tổ chức biên chế		
24	24	Thủ tục thẩm định Thành lập đơn vị sự nghiệp công lập	QT.NV.24	2
25	25	Thủ tục thẩm định Tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập	QT.NV.25	2
26	26	Thủ tục thẩm định giải thể đơn vị sự nghiệp công lập	QT.NV.26	2
27	27	Thủ tục thẩm định thành lập tổ chức hành chính	QT.NV.27	2

STT	TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành
28	28	Thủ tục thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính	QT.NV.28	2
29	29	Thủ tục thẩm định giải thể tổ chức hành chính	QT.NV.29	2
II	**LĨNH VỰC LAO ĐỘNG TBXH**			
Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp				
30	1	Chính sách hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên học trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng tại các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	QT.LĐTBXH.01	2
LĨNH VỰC DẠY NGHỀ				
31	2	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở đầu tư nước ngoài	QT.LĐTBXH.02	2
Lĩnh vực Bảo trợ xã hội				
32	3	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	QT.LĐTBXH.03	3
33	4	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	QT.LĐTBXH.04	3
34	5	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện	QT.LĐTBXH.05	3
35	6	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	QT.LĐTBXH.06	4
		-Trường hợp Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh		
		-Trường hợp Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện		
36	7	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	QT.LĐTBXH.07	4
		Trường hợp tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp cấp tỉnh		
		Trường hợp tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp cấp huyện		
37	8	Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng	QT.LĐTBXH.08	2
38	9	Dùng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	QT.LĐTBXH.09	4
		Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh		

STT	TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành
		Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện		
39	10	Trợ giúp xã hội khẩn cấp và hỗ trợ chi phí điều trị người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc	QT.LĐTBXH.10	4
40	11	Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp	QT.LĐTBXH.11	3
41	12	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QT.LĐTBXH.12	4
42	13	Thủ tục chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	QT.LĐTBXH.13	4
43	14	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội	QT.LĐTBXH.14	2
44	15	Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	QT.LĐTBXH.15	4
45	16	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT.LĐTBXH.16	3
Lĩnh vực Người có công				
46	17	Thăm viếng mộ liệt sĩ	QT.LĐTBXH.17	3
47	18	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT.LĐTBXH.18	1
48	19	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	QT.LĐTBXH.19	1
49	20	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	QT.LĐTBXH.20	1
		Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an		
		- Đối với người bị thương thường trú tại địa phương nơi bị thương, do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương		

STT	TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành
50	21	*- Đối với người bị thương thường trú tại địa phương khác, do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương*	QT.LĐTBXH.21	1
		- Đối với người bị thương thường trú tại địa phương khác, không do Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận bị thương		
51	22	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	QT.LĐTBXH.22	1
52	23	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	QT.LĐTBXH.23	1
53	24	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý	QT.LĐTBXH.24	1
54	25	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT.LĐTBXH.25	1
		Đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		
		Đối với người hoạt động kháng chiến có con đẻ bị dị dạng, dị tật đã được hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ mà bố (mẹ) chưa được công nhận là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		
		Đối với trường hợp người hoạt động kháng chiến có vợ hoặc có chồng nhưng không có con đẻ		
55	26	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT.LĐTBXH.26	1
56	27	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	QT.LĐTBXH.27	1
57	28	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT.LĐTBXH.28	1
58	29	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	QT.LĐTBXH.29	1
59	30	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	QT.LĐTBXH.30	1
		a) Trường hợp hồ sơ người có công không do quân đội, công an quản lý		

STT	TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành
		b) Trường hợp hồ sơ người có công đang do quân đội, công an quản lý		
60	31	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	QT.LĐTBXH.31	1
61	32	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	QT.LĐTBXH.32	2
62	33	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	QT.LĐTBXH.33	1
63	34	Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh Đối với người hy sinh hoặc mất tích không thuộc quân đội, công an + Trường hợp: Chủ tịch UBND cấp huyện cấp giấy chứng nhận hy sinh + Trường hợp: Chủ tịch UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận hy sinh	QT.LĐTBXH.34	1
64	35	Cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công"	QT.LĐTBXH.35	1
65	36	Lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quản lý	QT.LĐTBXH.36	1
66	37	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp bạn Lào, Campuchia	QT.LĐTBXH.39	4
67	38	Hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ	QT.LĐTBXH.40	3
68	39	Hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ	QT.LĐTBXH.41	3

STT	TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành
69	40	Hưởng chế độ trợ cấp Mai táng phí đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Cam-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ	QT.LĐTBXH.42	2
70	41	Giải quyết trợ cấp mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo bệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	QT.LĐTBXH.43	3
71	42	Giải quyết mai táng phí đối với đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 8/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ.	QT.LĐTBXH.44	3
72	43	Giải quyết mai táng phí đối với cựu chiến binh	QT.LĐTBXH.45	2
73	44	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ kháng chiến chống Pháp.	QT.LĐTBXH.46	2
74	45	Đề nghị xét tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự Bà mẹ Việt Nam anh hùng	QT.LĐTBXH.47	3
		Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội		
75	46	Thủ tục "Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân"	QT.LĐTBXH.48	3
76	47	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT.LĐTBXH.37	1
77	48	Công bố lại tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT.LĐTBXH.38	1
78	49	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT.LĐTBXH.49	1
III	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**			
	I	**Giáo dục dân tộc**		
79	1	Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục	QT.GDĐT.01	4
80	2	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT.GDĐT.02	4
81	3	Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú	QT.GDĐT.03	4
82	4	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú	QT.GDĐT.04	4

STT	TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành
83	5	Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú	QT.GDĐT.05	4
	II	**Giáo dục mầm non**		
84	6	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT.GDĐT.06	4
85	7	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	QT.GDĐT.07	4
86	8	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	QT.GDĐT.08	4
87	9	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT.GDĐT.09	4
88	10	Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	QT.GDĐT.10	4
	III	**Giáo dục tiểu học**		
89	11	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT.GDĐT.11	4
90	12	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QT.GDĐT.12	4
91	13	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	QT.GDĐT.13	4
92	14	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	QT.GDĐT.14	4
93	15	Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục	QT.GDĐT.15	4
	IV	**Giáo dục trung học**		
94	16	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT.GDĐT.16	4
95	17	Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại	QT.GDĐT.17	4
96	18	Tuyển sinh trung học cơ sở	QT.GDĐT.18	2
97	19	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	QT.GDĐT.19	4
98	20	Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	QT.GDĐT.20	4
99	21	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở	QT.GDĐT.21	4
100	22	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	QT.GDĐT.22	4
101	23	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	QT.GDĐT.23	1
102	24	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	QT.GDĐT.24	1
	V	**Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân**		

STT	TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành
103	25	Thủ tục hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	QT.GDĐT.25	2
104	26	Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	QT.GDĐT.26	3
105	27	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	QT.GDĐT.27	3
106	28	Quy trình đánh giá, xếp loại "Cộng đồng học tập" cấp xã	QT.GDĐT.28	4
107	29	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục không vì lợi nhuận	QT.GDĐT.29	4
108	30	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường THCS tư thục và trường phổ thông tư thục có ngiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT.GDĐT.30	3
	VI	**Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và cơ sở giáo dục khác**		
109	31	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	QT.GDĐT.31	3
110	32	Thành lập trung tâm học tập cộng đồng	QT.GDĐT.32	3
111	33	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	QT.GDĐT.33	3
	VII	**Hệ thống văn bằng chứng chỉ**		
112	34	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	QT.GDĐT.34	4
113	35	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ	QT.GDĐT.35	4
IV	**LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**			
114	1	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	QT.TNMT.01	5
115	2	Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	QT.TNMT.02	5
116	3	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình cá nhân	QT.TNMT.03	4
117	4	Đăng ký và cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với trường hợp công nhận và cấp GCNQSD đất, công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tăng thêm (phải nộp tiền sử dụng đất)	QT.TNMT.04.1	2

STT	TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành
118	5	Đăng ký và cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với trường hợp cấp giấy chứng nhận cho người trúng đấu giá QSD đất	QT.TNMT.04.2	2
119	6	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho người đã đăng ký lần đầu	QT.TNMT.05	5
120	7	Đăng ký, Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	QT.TNMT.06	5
121	8	Cấp đổi GCNQSDĐ (trường hợp diện tích thửa đất lớn hơn diện tích ghi trong giấy chứng nhận đã cấp)	QT.TNMT.07	3
122	9	Đăng ký cấp GCNQSDĐ, QSHNO và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng trước ngày 01/7/2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp GCNQSDĐ nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định (Diện tích tăng)	QT.TNMT.08	4
123	10	Cấp lại GCNQSDĐ do bị mất (Trường hợp diện tích tăng hoặc GCN do huyện cấp có sai sót)	QT.TNMT.09	2
124	11	Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	QT.TNMT.10	3
125	12	Đính chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	QT.TNMT.11	3
126	13	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	QT.TNMT.12	2
127	14	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất.	QT.TNMT.13	2
128	15	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	QT.TNMT.14	2
V	**LĨNH VỰC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ, TÀI CHÍNH**			
		Kế hoạch đầu tư		
129	1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT. TCKH.01	6
130	2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT. TCKH.02	6
131	3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	QT. TCKH.03	6
132	4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT. TCKH.04	6
133	5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	QT. TCKH.05	6
134	6	Đăng ký thành lập hợp tác xã	QT. TCKH.06	5
135	7	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT. TCKH.07	5

STT	TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành
136	8	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	QT. TCKH.08	5
137	9	Đăng ký khi hợp tác xã chia	QT. TCKH.09	5
138	10	Đăng ký khi hợp tác xã tách	QT. TCKH.10	5
139	11	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	QT. TCKH.11	5
140	12	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	QT. TCKH.12	5
141	13	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	QT. TCKH.13	5
142	14	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	QT. TCKH.14	5
143	15	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT. TCKH.15	5
144	16	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	QT. TCKH.16	5
145	17	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	QT. TCKH.17	5
146	18	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT. TCKH.18	5
147	19	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QT. TCKH.19	5
148	20	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	QT. TCKH.20	4
149	21	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	QT. TCKH.21	5
		Tài chính		
150	22	Mua quyển hóa đơn	QT. TCKH.01	4
151	23	Mua hóa đơn lẻ	QT. TCKH.02	4
152	24	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công	QT. TCKH.12	4
VI	**LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG, GIAO THÔNG VẬN**			
Lĩnh vực Công thương				
153	1	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.KTHT.01	4
154	2	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.KTHT.02	4
155	3	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QT.KTHT.03	4
156	4	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QT.KTHT.04	4
157	5	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	QT.KTHT.05	4
158	6	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	QT.KTHT.06	4
159	7	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.KTHT.07	4
160	8	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.KTHT.08	4
161	9	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QT.KTHT.09	4

STT	TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành
162	10	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KTHT.10	4
163	11	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KTHT.11	4
164	12	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QT.KTHT.12	4
165	13	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (do cấp huyện thực hiện)	QT.KTHT.13	4
166	14	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (do cấp huyện thực hiện)	QT.KTHT.14	4
167	15	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT.KTHT.15	3
168	16	Thẩm định, phương án ứng phó với tính huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT.KTHT.16	3
Lĩnh vực giao thông vận tải				
169	17	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện đang khai thác	QT.KTHT.17	4
170	18	Cấp phép thi công công trình thiết yếu, biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện đang khai thác	QT.KTHT.18	4
171	19	Chấp thuận điểm đấu nối đường nhánh vào đường huyện đang khai thác	QT.KTHT.19	4
172	20	Gia hạn Giấy phép thi công công trình thiết yếu, thi công biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường huyện đang khai thác	QT.KTHT.20	4
173	21	Chấp thuận sử dụng tạm thời một phần lòng đường không vì mục đích giao thông (thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện)	QT.KTHT.21	4
174	22	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác	QT.KTHT.22	4
175	23	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác	QT.KTHT.23	4
176	24	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	QT.KTHT.24	4
177	25	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT.KTHT.25	4

STT	TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành
178	26	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	QT.KTHT.26	4
179	27	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT.KTHT.27	4
180	28	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QT.KTHT.28	4
181	29	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị mất, hỏng	QT.KTHT.29	4
182	30	Xoá đăng ký phương tiện thủy nội địa	QT.KTHT.30	4
Lĩnh vực Xây dựng				4
183	31	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT.KTHT.31	4
184	32	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	QT.KTHT.32	4
185	33	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	QT.KTHT.33	2
186	34	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	QT.KTHT.34	2
187	35	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT.KTHT.35	2
188	36	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT.KTHT.36	2

STT	TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành
189	37	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT.KTHT.37	2
190	38	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT.KTHT.38	2
191	39	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT.KTHT.39	2
192	40	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	QT.KTHT.40	2
193	41	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	QT.KTHT.41	2
VII	**LĨNH VỰC TƯ PHÁP**			
	I	**Hộ tịch**		
194	1	Thủ tục Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.TP.01	3
195	2	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.TP.02	3
196	3	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.TP.03	3
197	4	Thủ tục Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.TP.04	3
198	5	Thủ tục Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.TP.05	3
199	6	Thủ tục Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.TP.06	3
200	7	Thủ tục Đăng ký chấm dứt, thay đổi giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.TP.07	3

STT	TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành
201	8	Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT.TP.08	3
202	9	Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.TP.09	3
203	10	Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.TP.10	3
204	11	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh, giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi, thay đổi hộ tịch, khai tử)	QT.TP.11	3
205	12	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.TP.12	3
206	13	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.TP.13	3
207	14	Đăng ký lại kết hôn có tố nước ngoài	QT.TP.14	3
208	15	Đăng ký lại khai tử có tố nước ngoài	QT.TP.15	3
209	16	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QT.TP.16	3
		Lĩnh vực Chứng thực		
210	17	Cấp bản sao từ sổ gốc	QT.TP.17	3
211	18	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	QT.TP.18	3
212	19	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT.TP.19	3
213	20	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	QT.TP.20	3
214	21	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT.TP.21	3
215	22	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT.TP.22	3
216	23	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT.TP.23	3
217	24	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT.TP.24	3
218	25	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	QT.TP.25	3

STT	TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành
219	26	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	QT.TP.26	3
220	27	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	QT.TP.27	3
221	28	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	QT.TP.28	3
		Lĩnh vực Bồi thường nhà nước		
222	29	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QT.TP.29	3
223	30	Phục hồi danh dự	QT.TP.30	3
		Lĩnh vực Phổ biến Giáo dục pháp luật		
224	31	Hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải (cấp huyện)	QT.TP.31	3
VIII		**LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP**		
	I	**Lâm nghiệp**		
225	1	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư).	QT.NN.03	3
	II	**Nông nghiệp và PTNT**		
226	2	Hỗ trợ dự án liên kết	QT.NN.01	4
227	3	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp huyện)	QT.NN.05	3
	III	**Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản**		
228	4	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản	QT.NN.08	5
229	5	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	QT.NN.09	5
	IV	**Thủy lợi**		
230	6	Thẩm định, phê duyệt , điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện	QT.NN.13	4
231	7	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện.	QT.NN.12	4
232	8	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với thiên tai cho công trình vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 2 xã trở lên)	QT.NN.15	4

STT	TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành
233	9	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 2 xã trở lên)	QT.NN.14	4
234	10	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh phân cấp	QT.NN.02	4
	V	**Lĩnh vực phòng, chống thiên tai**		
235	11	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.	QT.NN.04	2
236	12	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	QT.NN.11	2
	LĨNH VỰC VĂN HÓA - THÔNG TIN			
	Văn hóa, du lịch, gia đình			
237	1	Công nhận lần đầu cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa	QT.VHTT.01	4
238	2	Đăng ký tổ chức Lễ hội	QT.VHTT.03	4
239	3	Thông báo tổ chức lễ hội	QT.VHTT.04	4
240	4	Thủ tục công nhận Khu dân cư văn hóa hằng năm	QT.VHTT.05	4
241	5	Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa	QT.VHTT.06	4
242	6	Công nhận lần đầu xã đạt chuẩn văn hóa	QT.VHTT.07	4
243	7	Công nhận lại xã đạt chuẩn văn hóa	QT.VHTT.08	4
244	8	Công nhận lần đầu thị trấn văn minh đô thị	QT.VHTT.09	4
245	9	Công nhận lại thị trấn văn minh đô thi	QT.VHTT.10	4
	Thư viện			
246	10	- Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT.VHTT.11	2
247	11	- Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT.VHTT.12	2
248	12	- Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	QT.VHTT.13	2

STT	TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành
	Gia đình			
249	13	- Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; Cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân cấp huyện)	QT.VHTT.14	4
250	14	- Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân cấp huyện)	QT.VHTT.15	4
251	15	- Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; Cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân cấp huyện)	QT.VHTT.16	4
	Thông tin và truyền thông			
252	16	- Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VHTT.17	4
253	17	- Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VHTT.18	4
254	18	- Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VHTT.19	4
255	19	- Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VHTT.20	4
256	20	- Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VHTT.20	4
257	21	- Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	QT.VHTT.21	4
258	22	- Thay đổi thông tin khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy	QT.VHTT.22	4
X	**LĨNH VỰC DÂN TỘC**			
259	1	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT.VP.01	3
260	2	Đưa ra khỏi danh sách người có tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT.VP.02	3
XI	**LĨNH VỰC Y TẾ**			
261	1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Phòng Y tế huyện	QT.YT.01	1
XII	**LĨNH VỰC THANH TRA**			

STT	TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành
262	1	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu	QT.TTr.01	3
263	2	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai	QT.TTr.02	3
264	3	Thủ tục giải quyết tố cáo	QT.TTr.03	3
265	4	Thủ tục tiếp công dân	QT.TTr.04	3
266	5	Thủ tục xử lý đơn	QT.TTr.05	3